

Bản án số: 76/2018/HSST
Ngày 13-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hưởng – Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Bá P, sinh năm 1992 tại tỉnh Nghệ An; HKTT: Xóm 6, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Khu phố 1, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Bá H, sinh năm 1953 và bà Tống Thị L, sinh năm 1956; có vợ tên Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1992;

Tiền án: Ngày 14/12/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 359/2011/HSST; ngày 22/02/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 17/2013/HSST; ngày 25/8/2014 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An xử phạt 33 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 31/2014/HSST; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 12/3/2018, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

2. Nguyễn Mỹ P, sinh năm 1991 tại tỉnh Nghệ An; HKTT: Xóm 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mỹ S, sinh

năm 1963 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; có vợ tên: Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 12/3/2018, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- *Bị hại:* Ông Trần Ngọc B, sinh năm 1991; HKTT: Xóm 3, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Ấp 4, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; HKTT: Xóm 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1992; địa chỉ: 5/4 Tổ 13, Đường 10, Khu phố 3, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Bá P, Nguyễn Mỹ P và 02 đối tượng tên Đ, H có mối quan hệ bạn bè với nhau. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 12/3/2018, trong lúc đang ở phòng trọ thuộc khu phố 1, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì Đ gọi điện thoại rủ P đến quán cà phê “Anh và Em” thuộc phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương để uống nước, P đồng ý. Sau đó P đón xe ôm đi từ phòng trọ của P tại khu phố 1, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đến quán cà phê “Anh và Em” gặp Đ. Tại đây P gặp Đ và H đang ngồi uống nước. Sau đó P gọi điện thoại cho P, rủ đến quán cà phê “Anh và Em” để cùng uống nước chung, P đồng ý. Khoảng 10 phút sau, P đến quán cà phê “Anh và Em” và ngồi uống nước cùng với Đ, P và H. Trong lúc nói chuyện thì Đ nói với P và P “Hai chú đi lên Bình Dương với anh rồi ngồi quán cà phê chờ anh, khi nào có xe thì chạy về D cho anh, xong việc anh cho mỗi đứa 1.000.000 đồng”. Nghe Đ nói vậy thì P và P hiểu ý Đ là rủ đi tìm xe mô tô của người khác sơ hở không người trông coi để lấy trộm, nhiệm vụ của P và P là sau khi lấy trộm được xe mô tô thì điều khiển xe trộm được về thị xã D, tỉnh Bình Dương, P và P đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu đỏ đen (không rõ biển số) chở P, còn H điều khiển xe mô tô Exciter màu đỏ đen biển số 37N1-197.89 chở P cùng đi đến địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương. Khi đến địa bàn thị xã T, cả nhóm chạy lòng vòng qua nhiều tuyến đường với mục đích tìm xe mô tô của người khác sơ hở để thực hiện hành vi trộm cắp. Khi chạy đến khu dân cư trong khu công nghiệp Visip 2 thuộc ấp 4, xã V, thị xã T thì Đ kêu P, H, P vào quán cà phê Cao Nguyên ngồi chờ còn Đ chạy lòng vòng đi tìm xe mô tô sơ hở để lấy trộm. P, H, P vào quán cà phê Cao Nguyên gọi nước uống. Khoảng 05 phút sau, Đ gọi điện thoại cho H kêu H điều khiển xe mô tô chạy đến chỗ Đ đang đứng chờ. Nghe điện thoại xong, H kêu P lấy xe mô tô Exciter màu đỏ đen biển số 37N1-197.89 chở H đi theo sự chỉ dẫn của H đến chỗ của Đ còn P thì vẫn ngồi chờ tại quán cà phê Cao Nguyên, khi chạy được khoảng 700m thì P nhìn thấy Đ đang đứng chờ bên lề đường. Khi gặp P và Hoàng thì Đ có nói “Bên tiệm tạp hóa kia có chiếc xe”, vừa nói Đ vừa chỉ tay về hướng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xanh bạc đen biển số 36D1-424.63 của ông Trần Ngọc B đang dựng trước tiệm tạp

hóa của gia đình, cách vị trí Đ, P, H khoảng 40m. Đ kêu H vào lấy trộm chiếc xe trên, H liền đi bộ về hướng chiếc xe, cùng lúc này Đ kêu P chạy xe Exciter màu đỏ đen biển số 37N1-197.89 lại gần tiệm tạp hóa của ông B, sau khi H lấy được xe thì hỗ trợ H tẩu thoát. H liền chạy xe lại gần tiệm tạp hóa của ông B, cách tiệm khoảng 35m để đứng chờ. Khi đi đến nơi để xe thì H lấy trong người một cái đoạn hình chữ T dùng để bẻ ổ khóa xe đã chuẩn bị từ trước và đút vào ổ khóa xe của ông B bẻ khóa, H đẩy lùi xe của ông B hướng ra đường. Cùng lúc này, bà Nguyễn Thị U là vợ của ông B từ trong tiệm tạp hóa đi ra nhìn thấy H đang dẫn xe nên tri hô, H liền leo lên xe của ông B nổ máy bỏ chạy, Đ và P cũng điều khiển xe mô tô chạy theo sau. Khi nghe tiếng tri hô của bà U, ông B từ trong phòng ngủ chạy ra vừa đuổi theo vừa tri hô. Cùng lúc này, ông Phạm Văn Đ đang điều khiển xe ô tô chạy đến nghe tiếng tri hô thì tăng ga đuổi theo, khi đuổi theo được khoảng 200m thì H và Đ điều khiển xe rẽ về hướng chợ V còn P điều khiển xe Exciter màu đỏ đen biển số 37N1-197.89 rẽ phải đến quán cà phê Cao Nguyên để chờ P tẩu thoát. Ông Đ liền rẽ phải đuổi theo xe của P, khi P chờ P chạy được khoảng 400m thì bị ông Đ ép xe té ngã. P và P bị ông Đ và quần chúng nhân dân bắt giữ giao cho Công an xã V còn H và Đ đã lấy xe ông B chạy thoát. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 70/KLTS-TTHS ngày 16/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T xác định xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc đen số máy G3D4E4394, số khung 0610HY4194, biển số 36D1-424.63 đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 41.050.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra thông báo truy tìm vật chứng đối với xe trên nhưng không có kết quả.

Do xe bị mất nên ông B yêu cầu P và P phải bồi thường số tiền 49.000.000 đồng và ngày 18/6/2018, bà Nguyễn Thị H là chị ruột của P đã bồi thường cho ông B số tiền 41.000.000 đồng.

Cáo trạng số 64/CT-VKSTU ngày 21/6/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định truy tố bị cáo Phạm Bá P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Nguyễn Mỹ P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, các bị cáo trình bày lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của bị hại ông Trần Ngọc B: Xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đồng thời không yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Nguyễn Thị H: Không yêu cầu bị cáo P phải trả lại số tiền mà bà đã bồi thường cho bị hại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như Cáo trạng số 64/CT-VKSTU ngày 21/6/2018, đề nghị cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm:

Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo có công với cách mạng; tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Bá P từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù và bị cáo Nguyễn Mỹ P từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường nên không đặt ra xem xét. Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo 01 áo sơ mi dài tay; 01 áo khoác; 01 áo khoác vải loại dây kéo màu đen xám; 01 áo thun ngắn tay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 12/3/2018, Phạm Bá P, Nguyễn Mỹ P đã có hành vi giúp sức tích cực cùng đồng phạm tên H và Đ thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc đen số máy G3D4E4394, số khung 0610HY4194, biển số 36D1-424.63, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 41.050.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bản thân các bị cáo có đủ năng P chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo P phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm cho nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo P và P được phân công chạy xe chiếm đoạt được mang về D. Ngoài ra, P còn có hành vi cảnh giới cho đồng phạm khác thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây ra tâm lý hoang mang, lo sợ cho những người dân sinh sống tại khu dân cư trên địa bàn thị xã T. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị, nhưng vì tính tham lam, tư lợi cá nhân đã bất chấp hậu quả, cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng đối với các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cần thiết tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một

thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo có công với cách mạng; tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T đề nghị đối với bị cáo Nguyễn Mỹ P là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Bị cáo Phạm Bá P phạm tội với vai trò thứ yếu, xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại xác định đã nhận tiền bồi thường giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 áo sơ mi dài tay màu xanh xám có nhãn hiệu JPXSR-55FF; 01 đôi bao tay vải màu sọc đen trắng đỏ; 01 áo khoác vải màu đen có chữ Adidas; 01 áo khoác vải loại dây kéo màu đen xám; 01 áo thun ngắn tay màu xám xanh có chữ BED LIAI không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Bá P và Nguyễn Mỹ P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Bá P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12/3/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s, b, i khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm

2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Mỹ P 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12/3/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mỹ P: 01 áo sơ mi dài tay màu xanh xám có nhãn hiệu JPXSR-55FF; 01 đôi bao tay vải màu sọc đen trắng đỏ; 01 áo khoác vải màu đen có chữ Adidas;

- Trả lại cho bị cáo Phạm Bá P: 01 áo khoác vải loại dây kéo màu đen xám; 01 áo thun ngắn tay màu xám xanh có chữ BED LIAI.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (1)
- VKSND thị xã T; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV27 Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã T; (1)
- Cơ quan THAHS Công an thị xã T; (2)
- Chi cục THADS thị xã T; (1)
- Người tham gia tố tụng; (2)
- Lưu: VT, HS. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm